

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 05/3/2019

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 80/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đoàn Hữu L, sinh năm 1974

- **Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Quốc Đ– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn chị Huỳnh Thị kim L1.

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Hữu L trình bày:

Anh Đoàn Hữu L và chị Huỳnh Thị Kim L1 tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung tại ấp T, xã M cùng với cha mẹ ruột của anh. Cuộc sống vợ chồng của anh chị rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì do anh đi làm ăn bên ngoài, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị L1 thay đổi tính tình, hay to tiếng với anh nên vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có hai con chung tên Đoàn Diễm P, sinh năm 1998 và Đoàn Diễm T, sinh năm 2000, cả hai con đều đang

sống chung với chị L1 tại nhà ở ấp T, xã M, huyện M. Do không còn tình cảm vợ chồng và ly thân đã lâu không hàn gắn được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị L1. Anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Cháu Đoàn Diễm P đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập đến. Đoàn Diễm T mong muốn được sống với chị L1 thì anh đồng ý, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L1 trình bày:

Chị L1 và anh L tự nguyện kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống với cha mẹ của anh L tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chị sống rất đầm ấm, hạnh phúc.

Do anh L có mối quan hệ tình cảm với chị L2 ở ấp Tân Phú Tây B, xã M nên mới dẫn đến việc anh L xin ly hôn với chị. Ngoài nguyên nhân này ra thì không còn nguyên nhân nào khác vì từ trước đến nay chị luôn tôn trọng gia đình bên chồng, phụng dưỡng cha mẹ chồng chu đáo, thương yêu chồng con hết mực. Tuy anh L có mối quan hệ bất chính với chị L2 nhưng chị vẫn tha thứ cho anh, xem như đã không có chuyện gì xảy ra và quan hệ vợ chồng chị vẫn bình thường nên chị L1 không đồng ý ly hôn. Chị mong muốn anh L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng lo cho hai con gái cho đến tuổi lấy chồng.

Về con chung: có hai con chung như anh L trình bày, chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng được cha mẹ chồng cho 13.190m² đất tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi hoà giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án sơ thẩm số: 80/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Hữu L đối với chị Huỳnh Thị Kim L1.

Về con chung: không đề cập đến

Về tài sản chung: không đề cập đến

Về nợ chung: không đề cập đến

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018 nguyên đơn anh Đoàn Hữu L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh, cho anh được ly hôn với chị L1.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo,

Bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đoàn Hữu L và chị Huỳnh Thị Kim L1 tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn thì anh chị có thời gian chung sống rất hạnh phúc. Tại tòa sơ thẩm cũng như tại tòa phúc thẩm hôm nay, anh L cho rằng anh chị đã ly thân từ năm 2010 đến nay, hiện nay tình cảm của anh đối với chị không còn nữa.

Chị L1 cho rằng nguyên nhân anh L yêu cầu ly hôn là vì anh có người phụ nữ khác bên ngoài, tuy nhiên chị vẫn chấp nhận tha thứ, bỏ qua cho anh để vợ chồng được hàn gắn, đoàn tụ.

Nhận thấy, lời trình bày của chị L1 phù hợp với lời trình bày của anh L tại tòa sơ thẩm, với biên bản được Công an xã M lập ngày 25/01/2010 và biên bản xác minh ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M. Từ đó có cơ sở kết luận ngoài nguyên nhân như anh chị trình bày thì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Anh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh, cho anh được ly hôn với chị L1, tuy nhiên ngoài những nguyên nhân đã trình bày ở cấp sơ thẩm thì anh không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy anh L không chứng minh được mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; kháng cáo của anh không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí, do kháng cáo không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Hữu L.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 80/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Hữu L đối với chị Huỳnh Thị Kim L1.

Về con chung: không đề cập đến

Về tài sản chung: không đề cập đến

Về nợ chung: không đề cập đến

2. Về án phí:

- Anh Đoàn Hữu L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013561 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh L đã nộp xong.

- Anh Đoàn Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020875 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh L đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy